

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN THÁC BÀ**
Số: 1623 /TĐTĐB-CBTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Yên Bái, ngày 20 tháng 08 năm 2024.

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.

1. Tên tổ chức: **Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà**
- Mã chứng khoán: TBC
- Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.
- Điện thoại liên hệ: 0216.3884 116 - Fax: 0216.3884 167
- E-mail: *thacbahpc@thacba.vn*

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính tổng hợp Soát xét bán niên năm 2024.
- Báo cáo tài chính hợp nhất Soát xét bán niên năm 2024.
- Giải trình liên quan đến báo cáo tài chính bán niên năm 2024.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/08/2024 tại đường dẫn <http://thacba.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng P5;
- Lưu: VT, TK.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Nguyễn Văn Quyền

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính tổng hợp Soát xét bán niên năm 2024.
- Báo cáo tài chính hợp nhất Soát xét bán niên năm 2024.
- Giải trình liên quan đến báo cáo tài chính bán niên năm 2024.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 38

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5200240495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 3 năm 2006. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 được cấp ngày 1 tháng 6 năm 2023.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo các thiết bị của nhà máy thủy điện.

Công ty (bao gồm Văn phòng Công ty và Chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật) có trụ sở tại Tổ dân phố 1, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Quang Quyền	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Quyền	Thành viên
Ông Hồ Văn Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Đa	Thành viên
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên độc lập

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương	Trưởng ban
Bà Trần Nguyễn Khánh Linh	Thành viên
Bà Lai Lệ Hương	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Quyền	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Hoàng	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Quyền, Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

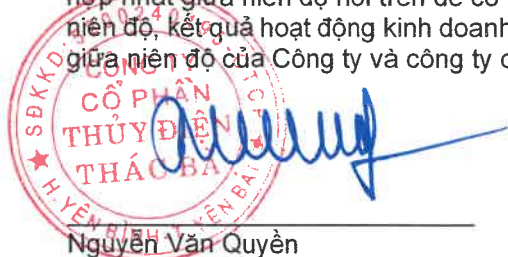
Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có một công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (“báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ”) đề ngày 15 tháng 8 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con.



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2024

Số tham chiếu: 12828659/68426303/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà ("Công ty") được lập ngày 15 tháng 8 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 38, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Hoàng Linh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 3835-2021-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		363.707.538.735	348.296.266.106
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	91.363.239.162	104.069.389.061
111	1. Tiền		10.563.239.162	8.169.389.061
112	2. Các khoản tương đương tiền		80.800.000.000	95.900.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		25.694.543.500	10.000.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	13.694.543.500	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	12.000.000.000	10.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		236.611.752.153	219.057.214.490
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	144.978.705.629	143.817.491.110
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	68.981.536.263	52.760.213.635
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	22.412.500.000	22.412.500.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.463.803.206	1.730.601.003
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(1.224.792.945)	(1.663.591.258)
140	IV. Hàng tồn kho	9	9.791.549.221	5.527.795.086
141	1. Hàng tồn kho		9.791.549.221	5.527.795.086
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		246.454.699	9.641.867.469
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		238.194.918	90.040.278
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		8.259.781	9.551.827.191

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		721.003.622.793	755.020.442.745
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		50.428.125.000	61.634.375.000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	50.428.125.000	61.634.375.000
220	II. Tài sản cố định		163.008.515.320	180.384.389.038
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	147.558.407.322	164.519.797.269
222	Nguyên giá		1.500.116.021.801	1.497.541.742.824
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.352.557.614.479)	(1.333.021.945.555)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	15.450.107.998	15.864.591.769
228	Nguyên giá		22.411.162.640	22.411.162.640
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(6.961.054.642)	(6.546.570.871)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		7.449.787.912	9.152.204.670
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	7.449.787.912	9.152.204.670
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	13	499.212.685.956	502.756.831.735
251	1. Đầu tư vào công ty con		337.624.176.764	337.624.176.764
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		103.861.380.000	84.652.890.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		60.510.300.000	81.169.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(2.783.170.808)	(689.235.029)
260	V. Tài sản dài hạn khác		904.508.605	1.092.642.302
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		904.508.605	1.092.642.302
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.084.711.161.528	1.103.316.708.851

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		88.603.909.804	84.073.631.999
310	I. Nợ ngắn hạn		88.603.909.804	84.073.631.999
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	6.366.687.658	2.529.484.086
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	25	-	3.596.854.522
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	8.542.082.353	441.827.700
314	4. Phải trả người lao động		4.478.273.312	10.416.031.645
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		18.000.000	62.000.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	67.146.007.021	66.226.966.258
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	2.052.859.460	800.467.788
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		996.107.251.724	1.019.243.076.852
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	996.107.251.724	1.019.243.076.852
411	1. Vốn cổ phần		635.000.000.000	635.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		635.000.000.000	635.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		302.057.614.951	302.057.614.951
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		59.049.636.773	82.185.461.901
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		15.185.461.901	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		43.864.174.872	82.185.461.901
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.084.711.161.528	1.103.316.708.851



Nguyễn Trung Hiếu
Người lập



Lê Hồng Minh
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	128.026.721.886	157.566.925.041
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	128.026.721.886	157.566.925.041
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20	(79.494.357.613)	(57.889.523.277)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		48.532.364.273	99.677.401.764
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	19.268.141.267	29.714.717.169
22	7. Chi phí tài chính	21	(2.109.994.472)	-
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(13.485.694.674)	(12.820.700.047)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		52.204.816.394	116.571.418.886
31	10. Thu nhập khác		381.259.000	846.457.368
32	11. Chi phí khác		(235.005.620)	(620.032.127)
40	12. Lợi nhuận khác		146.253.380	226.425.241
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		52.351.069.774	116.797.844.127
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	(8.486.894.902)	(18.739.599.472)
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		43.864.174.872	98.058.244.655



Nguyễn Trung Hiếu
Người lập



Lê Hồng Minh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		52.351.069.774	116.797.844.127
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		19.936.164.367	19.825.524.886
03	Các khoản dự phòng		1.655.137.466	207.623.912
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(15.958.891.619)	(29.814.727.573)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		57.983.479.988	107.016.265.352
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		11.126.604.611	(78.792.458.347)
10	Tăng hàng tồn kho		(4.263.754.135)	(219.415.379)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		3.517.067.714	(10.941.890.996)
12	Giảm chi phí trả trước		39.979.057	697.747.073
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		6.964.156.500	-
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.933.471.372)	(18.176.506.942)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.233.620.000)	(1.695.351.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		65.200.442.363	(2.111.610.239)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ")		(20.965.153.470)	(54.445.019.764)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	100.010.404
23	Tiền chi cho vay, mua các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		(12.000.000.000)	-
24	Tiền thu hồi khoản cho vay, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		21.206.250.000	73.206.250.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(19.208.490.000)	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		16.546.901.208	28.449.084.117
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(14.420.492.262)	47.310.324.757

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

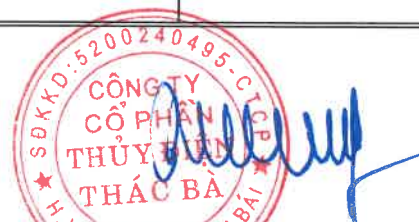
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
36	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	18.3	(63.486.100.000)	(95.237.100.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(63.486.100.000)	(95.237.100.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(12.706.149.899)	(50.038.385.482)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		104.069.389.061	90.424.695.231
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	91.363.239.162	40.386.309.749



Nguyễn Trung Hiếu
Người lập



Lê Hồng Minh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5200240495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 3 năm 2006. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 được cấp ngày 1 tháng 6 năm 2023.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo các thiết bị của nhà máy thủy điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty (bao gồm Văn phòng Công ty và Chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật) có trụ sở tại Tổ dân phố 1, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là: 125 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 124 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có một Chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật. Cũng tại ngày này, Công ty có một công ty con và một công ty liên kết với thông tin chi tiết như sau:

<u>Tên công ty con</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum	50,94%	50,94%	Thôn Bản Xèo 1, xã Bản Xèo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.	Sản xuất và kinh doanh điện năng.
<u>Tên công ty liên kết</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	49,00%	49,00%	Tổ dân phố số 1, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, Việt Nam.	Đầu tư và triển khai dự án Nhà máy Thủy điện Thác Bà 2.

Tính chất mùa vụ của hoạt động ảnh hưởng đến báo cáo

Do đặc tính của ngành kinh doanh thủy điện, doanh thu bán điện phụ thuộc vào yêu cầu sản lượng điện đầu ra, trữ lượng nước dự trữ trong hồ thủy điện của Trung tâm điều độ Hệ thống điện Quốc gia, cũng như dựa trên điều kiện thời tiết và thủy văn tại mỗi thời điểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có một công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (“báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ”) để ngày 15 tháng 8 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con.

2.2 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Công ty có một chi nhánh hạch toán độc lập (“Chi nhánh”) như được trình bày tại Thuyết minh số 1. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty và Chi nhánh. Báo cáo tài chính giữa niên độ của Chi nhánh được lập cùng kỳ và sử dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất với báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty.

Các chỉ tiêu của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được thực hiện bằng cách cộng hợp các chỉ tiêu tương ứng của báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty và Chi nhánh.

Các giao dịch và số dư về đầu tư vốn, cung cấp hàng hóa, thu hộ, chi hộ giữa Chi nhánh và Văn phòng Công ty được căn trừ theo từng chỉ tiêu tương ứng trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

2.3 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.4 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.5 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.6 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ	-	chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Đối với các trường hợp cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động, thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	9 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	10 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm có ảnh hưởng đáng kể được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá trị cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

Quý đầu tư và phát triển

Quý này được trích lập nhằm bổ sung vào vốn kinh doanh của Công ty, và đầu tư mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ, trang thiết bị, điều kiện làm việc của Công ty.

Quý khen thưởng, phúc lợi

Quý này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ (nếu có). Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được xác định căn cứ vào hợp đồng mua bán điện được Công ty ký kết với Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN") và các phụ lục hợp đồng có liên quan (bao gồm các khoản thanh toán liên quan đến tiền thuế tài nguyên nước, phí dịch vụ môi trường rừng và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước).

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện và được xác nhận bởi khách hàng.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho giai đoạn hiện hành và các giai đoạn trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.15 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Tiền mặt	114.264.591	22.903.489
Tiền gửi ngân hàng	10.448.974.571	8.146.485.572
Các khoản tương đương tiền (*)	80.800.000.000	95.900.000.000
TỔNG CỘNG	91.363.239.162	104.069.389.061

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng bằng VND với kỳ hạn không quá 3 tháng và hưởng lãi suất là từ 3,2%/năm đến 4,2%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2023: kỳ hạn không quá 3 tháng và hưởng lãi suất từ 0,5%/năm đến 3,8%/năm).

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

5.1 Chứng khoán kinh doanh

	<i>Đơn vị tính: VND</i>					
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>			<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>		
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Dự phòng</i>
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	13.694.543.500	19.270.350.000	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	13.694.543.500	19.270.350.000	-	-	-	-

Chứng khoán kinh doanh là 1.259.500 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng được phân loại từ Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác sang Chứng khoán kinh doanh theo Nghị quyết số 1009/NQ-TĐTB-HĐQT ngày 10 tháng 6 năm 2024 và Nghị quyết số 1221/NQ-TĐTB-HĐQT ngày 28 tháng 6 năm 2024 phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị Công ty.

Cổ phiếu của công ty này được giao dịch trên thị trường UPCOM với mức giá giao dịch đóng cửa vào ngày cuối có giao dịch trong tháng 6 năm 2024 là 15.300 VND/cổ phiếu (tháng 12 năm 2023: 14.000 VND/cổ phiếu).

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	12.000.000.000	12.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
TỔNG CỘNG	12.000.000.000	12.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000

Tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 bao gồm khoản tiền gửi tại ngân hàng bằng VND có kỳ hạn 6 tháng và hưởng lãi suất 5,2%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2023: kỳ hạn 6 tháng và hưởng lãi suất 5,2%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Phải thu từ các bên khác	2.261.995.420	3.859.596.828
- Công ty Cổ phần Tư vấn Phát triển Năng lượng Tây Bắc	847.866.948	847.866.948
- Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thương mại và Xây dựng Số 6	473.045.090	523.045.090
- Công ty Cổ phần SCI Điện Biên	446.742.034	446.742.034
- Công ty TNHH Xây dựng Hưng Hải	340.965.910	840.965.910
- Các khoản phải thu khách hàng khác	153.375.438	1.200.976.846
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	<u>142.716.710.209</u>	<u>139.957.894.282</u>
TỔNG CỘNG	<u>144.978.705.629</u>	<u>143.817.491.110</u>
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.224.792.945)	(1.663.591.258)

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng phải thu khó đòi:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Số đầu kỳ	1.663.591.258	1.633.341.998
Cộng: Trích lập dự phòng trong kỳ	249.182.407	544.942.962
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	<u>(687.980.720)</u>	<u>(337.319.050)</u>
Số cuối kỳ	<u>1.224.792.945</u>	<u>1.840.965.910</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Công ty ANDRITZ China Ltd.	66.237.706.322	47.577.697.888
Công ty TNHH Andritz Việt Nam	2.149.485.323	2.116.080.235
Công ty Cổ phần ENTEC Kỹ thuật Năng lượng	-	3.066.435.512
Các khoản trả trước khác	594.344.618	-
TỔNG CỘNG	68.981.536.263	52.760.213.635

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Ngắn hạn		
Phải thu về cho vay dài hạn đến hạn thu (*)	22.412.500.000	22.412.500.000
	22.412.500.000	22.412.500.000
Dài hạn		
Phải thu về cho vay dài hạn (*)	50.428.125.000	61.634.375.000
	50.428.125.000	61.634.375.000
TỔNG CỘNG	72.840.625.000	84.046.875.000

(*) Chi tiết khoản phải thu về cho vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

<i>Bên nhận vay</i>	<i>Số tiền (VND)</i>	<i>Kỳ hạn nhận gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất trong năm (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum, công ty con	72.840.625.000	Gốc và lãi vay được trả hàng quý, khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 28 tháng 9 năm 2027.	7%	Tin chấp.
<i>Trong đó:</i>				
<i>Cho vay dài hạn đến hạn thu</i>	22.412.500.000			
<i>Cho vay dài hạn</i>	50.428.125.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	769.826.537	180.402.138
Phải thu tiền cổ tức Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	-	1.200.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	693.976.669	350.198.865
TỔNG CỘNG	1.463.803.206	1.730.601.003
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	<i>331.105.915</i>	<i>64.474.467</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	<i>1.132.697.291</i>	<i>1.666.126.536</i>

9. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Nguyên liệu, vật liệu	5.661.830.151	-	3.418.264.405	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.712.401.344	-	1.713.523.537	-
Công cụ, dụng cụ	417.317.726	-	396.007.144	-
TỔNG CỘNG	9.791.549.221	-	5.527.795.086	-

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:						
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	658.503.404.896	810.850.613.140	20.611.661.097	7.458.609.146	117.454.545	1.497.541.742.824
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	2.574.278.977	-	-	-	2.574.278.977
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	658.503.404.896	813.424.892.117	20.611.661.097	7.458.609.146	117.454.545	1.500.116.021.801
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	16.460.628.744	510.981.476.313	12.880.399.904	3.576.866.951	65.181.818	543.964.553.730
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	577.074.799.571	734.668.893.300	16.020.095.170	5.151.499.543	106.657.971	1.333.021.945.555
- Khấu hao trong kỳ	10.200.505.632	8.655.065.296	411.351.978	266.135.082	2.610.936	19.535.668.924
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	587.275.305.203	743.323.958.596	16.431.447.148	5.417.634.625	109.268.907	1.352.557.614.479
Giá trị còn lại:						
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	81.428.605.325	76.181.719.840	4.591.565.927	2.307.109.603	10.796.574	164.519.797.269
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	71.228.099.693	70.100.933.521	4.180.213.949	2.040.974.521	8.185.638	147.558.407.322

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	20.558.322.400	1.852.840.240	22.411.162.640
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	20.558.322.400	1.852.840.240	22.411.162.640
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	5.571.800.974	974.769.897	6.546.570.871
- Hao mòn trong kỳ	205.576.608	208.907.163	414.483.771
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	5.777.377.582	1.183.677.060	6.961.054.642
Giá trị còn lại:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	14.986.521.426	878.070.343	15.864.591.769
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	14.780.944.818	669.163.180	15.450.107.998

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Dự án nâng cấp thiết bị tổ máy – Nhà máy Thủy điện (“NMTĐ”) Thác Bà	6.921.187.926	6.311.024.101
Dự án nâng cấp thiết bị điện – NMTĐ Thác Bà	195.222.208	2.507.802.791
Các dự án khác	333.377.778	333.377.778
TỔNG CỘNG	7.449.787.912	9.152.204.670

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024			Ngày 31 tháng 12 năm 2023			Đơn vị tính: VND	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc		Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con		337.624.176.764				337.624.176.764		
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum (i)	50,94%	337.624.176.764	(i)	-	50,94%	337.624.176.764	(i)	-
Đầu tư vào công ty liên kết		103.861.380.000		(2.783.170.808)		84.652.890.000		(689.235.029)
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 (ii)	49,00%	103.861.380.000	(ii)	(2.783.170.808)	49,00%	84.652.890.000	(ii)	(689.235.029)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		60.510.300.000				81.169.000.000		
Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An (iii)	5%	48.550.000.000	(iii)	-	5%	48.550.000.000	(iii)	-
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (iv)	0,22%	11.960.300.000			0,6%	32.619.000.000		
TỔNG CỘNG		501.995.856.764		(2.783.170.808)		503.446.066.764		(689.235.029)

(i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty nắm giữ 50,94% quyền biểu quyết tương ứng 25.889.270 cổ phần tại Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum. Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(ii) Theo Nghị quyết số 66/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 1 năm 2024 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà 2 đã phê duyệt phương án chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ của công ty này. Theo đó, trong năm 2024, Công ty đã thực hiện mua thêm 1.920.849 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 với số tiền là 19.208.490.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, giao dịch này đã được hoàn tất. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 không thay đổi sau giao dịch này. Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(iii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty nắm giữ 5% quyền biểu quyết tương ứng 200.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An. Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(iv) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, 1.100.000 cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng được Công ty nắm giữ cho mục đích đầu tư dài hạn. Cổ phiếu của công ty này được giao dịch trên thị trường UPCOM với mức giá giao dịch đóng cửa vào ngày cuối có giao dịch trong tháng 6 năm 2024 là 15.300 VND/cổ phiếu (tháng 12 năm 2023: 14.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Công ty Cổ phần ENTEC Kỹ thuật Năng lượng	3.500.950.013	965.697.176
Công ty TNHH Thương mại xăng dầu Minh Hồng	2.407.900.000	-
Các khoản phải trả khác	457.837.645	1.563.786.910
TỔNG CỘNG	6.366.687.658	2.529.484.086

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp (<i>Thuyết minh số 24.1</i>)	441.827.700	8.486.894.902	(7.933.471.372)	995.251.230
Thuế tài nguyên	-	9.315.837.414	(5.378.690.827)	3.937.146.587
Thuế giá trị gia tăng	-	5.622.598.536	(2.201.398.934)	3.421.199.602
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	2.426.723.434	(2.238.238.500)	188.484.934
Thuế thu nhập cá nhân	-	962.774.228	(962.774.228)	-
Thuế khác	-	231.412.237	(231.412.237)	-
TỔNG CỘNG	441.827.700	27.046.240.751	(18.945.986.098)	8.542.082.353

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Cổ tức phải trả bên liên quan (<i>Thuyết minh số 25</i>)	57.415.168.000	57.415.168.000
Cổ tức phải trả đối tượng khác	6.290.823.749	6.276.923.749
Phí dịch vụ môi trường rừng	2.626.976.664	2.225.064.276
Phải trả khác	813.038.608	309.810.233
TỔNG CỘNG	67.146.007.021	66.226.966.258

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Số đầu kỳ	800.467.788	435.575.444
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ (Thuyết minh số 18.1)	3.000.000.000	4.000.000.000
Trích quỹ thưởng Ban Điều hành Công ty (Thuyết minh số 18.1)	500.000.000	-
Sử dụng quỹ trong kỳ	(2.233.620.000)	(1.695.351.000)
Khấu hao tài sản cố định hình thành từ quỹ khen thưởng phúc lợi	(13.988.328)	(13.988.328)
Số cuối kỳ	<u>2.052.859.460</u>	<u>2.726.236.116</u>

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU	Đơn vị tính: VND		
18.1 <i>Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu</i>	Vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	635.000.000.000	-	401.307.614.951
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	98.058.244.655
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(4.000.000.000)
- Cổ tức năm 2022 công bố	-	-	(95.250.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	635.000.000.000	-	400.115.859.606
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	635.000.000.000	302.057.614.951	82.185.461.901
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	43.864.174.872
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh số 17) (*)	-	-	(3.000.000.000)
- Trích quỹ thưởng Ban Điều hành Công ty (Thuyết minh số 17) (*)	-	-	(500.000.000)
- Cổ tức năm 2023 công bố (*)	-	-	(63.500.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	635.000.000.000	302.057.614.951	59.049.636.773
			996.107.251.724

(*) Công ty thực hiện trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban Điều hành Công ty và chia cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo Nghị quyết số 506/NQ-TĐTB-DHĐCĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Chi tiết vốn cổ phần

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024			Ngày 31 tháng 12 năm 2023		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	635.000.000.000	635.000.000.000	-	635.000.000.000	635.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	635.000.000.000	635.000.000.000	-	635.000.000.000	635.000.000.000	-

Chi tiết vốn cổ phần của chủ sở hữu tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

	Vốn cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông		
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	383.651.680.000	60,42%
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	190.500.000.000	30,00%
Các cổ đông khác	60.848.320.000	9,58%
TỔNG CỘNG	635.000.000.000	100%

18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Vốn đã góp		
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	635.000.000.000	635.000.000.000
Cổ tức đã công bố	63.500.000.000	95.250.000.000
Cổ tức đã trả	63.486.100.000	95.237.100.000

18.4 Cổ tức

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Cổ tức đã công bố trong kỳ		
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Cổ tức cho năm 2022: 1.500 VND/cổ phiếu	-	95.250.000.000
Cổ tức cho năm 2023: 1.000 VND/cổ phiếu	63.500.000.000	-
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.5 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
Cổ phiếu đã được duyệt	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10.000 VND/cổ phiếu). Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TBC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Tổng doanh thu	128.026.721.886	157.566.925.041
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán điện</i>	98.083.050.748	152.270.828.852
<i>Doanh thu bán hàng</i>	26.469.323.000	-
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	3.474.348.138	5.296.096.189
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	128.026.721.886	157.566.925.041
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	2.787.563.201	5.045.604.179
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	125.239.158.685	152.521.320.862

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.793.922.600	23.383.211.690
Lãi tiền gửi và cho vay	4.164.969.019	6.331.505.479
Lãi bán các khoản đầu tư	2.984.853.500	-
Phí bảo lãnh	324.396.148	-
TỔNG CỘNG	19.268.141.267	29.714.717.169

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Giá vốn của hoạt động bán điện	54.203.918.138	55.855.910.210
Giá vốn của hàng hóa đã bán	23.738.165.694	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.552.273.781	2.033.613.067
TỔNG CỘNG	79.494.357.613	57.889.523.277

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Dự phòng tổn thất đầu tư	2.093.935.779	-
Chi phí khác	16.058.693	-
TỔNG CỘNG	2.109.994.472	-

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Chi phí nhân công	6.560.841.500	6.531.009.000
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.273.133.076	1.371.754.056
Chi phí đồ dùng văn phòng và vật liệu quản lý (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng phải thu	420.922.244 (438.798.313)	470.681.319 207.623.912
Chi phí dịch vụ mua ngoài	734.259.825	1.145.795.834
Chi phí khác	4.935.336.342	3.093.835.926
TỔNG CỘNG	13.485.694.674	12.820.700.047

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.464.795.197	1.294.602.958
Chi phí nhân công	19.007.284.505	18.696.508.074
Chi phí khấu hao và hao mòn	19.936.164.367	19.825.524.886
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.473.861.287	1.564.656.473
Chi phí khác	30.096.824.738	29.449.815.841
TỔNG CỘNG	94.978.930.094	70.831.108.232

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế Thu nhập Doanh nghiệp (“TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

24.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.486.894.902	18.739.599.472
TỔNG CỘNG	8.486.894.902	18.739.599.472

24.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	52.351.069.774	116.797.844.127
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	10.470.213.955	23.359.568.825
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí không được khấu trừ	375.465.467	57.268.984
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(2.358.784.520)	(4.676.642.338)
Điều chỉnh khác	-	(596.000)
Chi phí thuế TNDN	8.486.894.902	18.739.599.471

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và các bên liên quan có giao dịch trọng yếu với Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và trong kỳ bao gồm:

<i>STT Bên liên quan</i>	<i>Mối liên hệ</i>
1 Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	Công ty mẹ tối cao
2 Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Công ty mẹ
3 Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn
4 Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Công ty liên kết
5 Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum	Công ty con
6 Công ty Cổ phần Phát triển Điện Đông Dương	Công ty trong cùng tập đoàn
7 Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ của cổ đông lớn

Các cá nhân là thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc đã được trình bày tại mục Thông tin chung.

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
			<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ của cổ đông lớn	Doanh thu bán điện	98.083.050.748	152.270.828.852
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Công ty mẹ	Cổ tức công bố Cổ tức đã thanh toán	38.365.168.000 38.365.168.000	57.547.752.000 57.547.752.000
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn	Cổ tức công bố Cổ tức đã thanh toán	19.050.000.000 19.050.000.000	28.575.000.000 28.575.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ Thu hồi tiền cho vay Lãi tiền cho vay Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát Cổ tức được chia	150.000.000 11.206.250.000 2.825.049.571 90.000.000 9.837.922.600	291.401.100 11.206.250.000 3.551.460.189 90.000.000 21.928.211.690
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Công ty liên kết	Góp vốn Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	19.208.490.000 26.578.413.910 120.000.000	- 109.090.910 120.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Điện Đông Dương	Công ty trong cùng tập đoàn	Doanh thu cung cấp dịch vụ	427.694.027	163.636.364

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả (ngoại trừ các khoản cho vay) tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Các giao dịch với bên liên quan được phê duyệt bởi các cấp có thẩm quyền của Công ty theo quy định tại Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều lệ Công ty.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)</i>				
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ của cổ đông lớn	Phải thu tiền bán điện	116.910.556.062	139.957.894.282
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Công ty liên kết	Phải thu cung cấp dịch vụ	25.344.244.598	-
Công ty Cổ phần Phát triển Điện Đông Dương	Công ty trong cùng tập đoàn	Doanh thu cung cấp dịch vụ	461.909.549	-
TỔNG CỘNG			142.716.710.209	139.957.894.282
<i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)</i>				
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum	Công ty con	Tiền lãi vay phải thu	41.908.455	64.474.467
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Công ty liên kết	Phải thu về phí bảo lãnh	289.197.460	-
TỔNG CỘNG			331.105.915	64.474.467
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Mã số 312)</i>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Công ty liên kết	Cung cấp và lắp đặt thiết bị	-	3.596.854.522
TỔNG CỘNG			-	3.596.854.522

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 16)				
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Công ty mẹ	Cổ tức phải trả	38.365.168.000	38.365.168.000
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn	Cổ tức phải trả	19.050.000.000	19.050.000.000
TỔNG CỘNG			57.415.168.000	57.415.168.000

Chi tiết thông tin khoản phải thu về cho vay bên liên quan được trình bày chi tiết ở Thuyết minh số 7.

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ như sau:

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Hội đồng Quản trị (“HĐQT”)			
Ông Nguyễn Quang Quyền	Chủ tịch HĐQT	36.000.000	36.000.000
Ông Hồ Văn Trung	Thành viên HĐQT	36.000.000	36.000.000
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên HĐQT	36.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Văn Da	Thành viên HĐQT	36.000.000	36.000.000
Ban Tổng Giám đốc			
Ông Nguyễn Văn Quyền	Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT	468.000.000	468.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	286.800.000	287.400.000
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc	-	38.000.000
Ông Bùi Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	265.800.000	265.800.000
TỔNG CỘNG		1.164.600.000	1.203.200.000

Thù lao Ban kiểm soát:

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
		<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Thù lao Ban kiểm soát		96.000.000	96.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê đất

Công ty đã thực hiện ký kết các hợp đồng thuê đất số 31/2010/HĐTĐ ngày 3 tháng 8 năm 2010 cho giai đoạn từ ngày 24 tháng 10 năm 2005 đến hết ngày 24 tháng 10 năm 2055 và hợp đồng số 39/2012/HĐTĐ ngày 30 tháng 12 năm 2012 cho giai đoạn từ ngày 23 tháng 8 năm 2011 đến hết ngày 23 tháng 8 năm 2061 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Yên Bái.

Căn cứ vào thông báo số 2691/TB-CTYBA ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Tổng Cục thuế Tỉnh Yên Bái về việc điều chỉnh đơn giá thuê đất của các thửa đất đi thuê theo hợp đồng số 31/2010/HĐTĐ áp dụng cho giai đoạn từ ngày 24 tháng 10 năm 2020 đến hết ngày 23 tháng 10 năm 2025, cam kết tiền thuê đất phải trả của Công ty tính đến ngày 23 tháng 10 năm 2025 là 41.159.609 VND.

Căn cứ vào thông báo số 2708/TB-CTYBA ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Tổng Cục thuế Tỉnh Yên Bái về việc điều chỉnh đơn giá thuê đất của các thửa đất đi thuê theo hợp đồng số 39/2012/HĐTĐ áp dụng cho giai đoạn từ ngày 23 tháng 8 năm 2021 đến hết ngày 23 tháng 8 năm 2026, cam kết tiền thuê đất phải trả của Công ty tính đến ngày 23 tháng 8 năm 2026 là 350.253.525 VND.

Công ty có nghĩa vụ trả tiền thuê đất sau thời gian này theo đơn giá thuê đất sẽ được thông báo bởi các Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có các khoản cam kết lần lượt là 7.882.445 USD (ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 8.081.824 USD) và 5.340.353.565 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 28.563.616.781 VND) liên quan đến giá trị mua sắm máy móc, thiết bị vật tư và 8.597.941.291 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 8.464.320.938 VND) liên quan đến giá trị dịch vụ vận chuyển, giám sát lắp đặt, thử nghiệm, hướng dẫn, đào tạo vận hành máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động của Công ty.

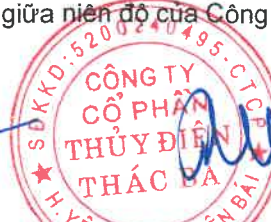


27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

Nguyễn Trung Hiếu
Người lập

Lê Hồng Minh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2024